

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG RUBY VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG RUBY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RUBY VIETNAM APPLICATION TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108556145

3. Ngày thành lập: 20/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10 Ngách 41/53 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất điện	3511
2.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
3.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
4.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
5.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
6.	Thu gom rác thải độc hại	3812
7.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
8.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
20.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
21.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

22.	Đại lý du lịch	7911
23.	Điều hành tua du lịch	7912
24.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
25.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
26.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
27.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
28.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
29.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
30.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
31.	Đúc kim loại màu	2432
32.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
35.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
36.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
37.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
38.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
39.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
40.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
41.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
46.	Cho thuê xe có động cơ	7710
47.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : Bán buôn và bán lẻ đèn và bộ đèn điện, đồ gia dụng	4759(Chính)
50.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
51.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
52.	Khai thác và thu gom than non	0520
53.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
54.	Đào tạo trung cấp	8532

55.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
56.	Sản xuất than cốc	1910
57.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
58.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
59.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
60.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
61.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
62.	Phá dỡ	4311
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
66.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
67.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
68.	Quảng cáo	7310

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH VÂN	10 ngách 41/53 phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	001187006282	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000		
2	PHẠM QUỐC CUÔNG	P310 V1, KĐT Đặng Xá, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500	5.000.000	0,250	035086001029	
			Tổng số	500	5.000.000	0,250		

3	TỔNG CÔNG BẢNG	10 ngách 41/53 phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.500	995.000.000	49,750	0010860004 95	
			Tổng số	99.500	995.000.000	49,750		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001187006282

Ngày cấp: 18/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 10 ngách 41/53 phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 10 ngách 41/53 phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội